

TÌM HIỂU ĐỊA DANH TÂY NAM BỘ QUA THỂ LOẠI VĂN VẦN DÂN GIAN

Võ Nữ Hạnh Trang¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu dấu ấn địa danh được phản ánh qua thể loại văn vần dân gian sẽ giúp hiểu rõ hơn nhân sinh quan, thế giới quan của cư dân Tây Nam Bộ. Qua đó, chúng ta hiểu hơn về tâm tư, tình cảm, ước mơ, khát vọng... của con người Tây Nam Bộ trong suốt tiến trình lịch sử mở và dựng nước. Như một nguồn cứ liệu đặc biệt, địa danh đã đi vào bộ phận văn học này một cách tự nhiên nhưng chứa đựng nhiều giá trị độc đáo như một cách lưu giữ văn hóa.

Từ khóa: Tây Nam Bộ, Cao Lãnh, Đồng Tháp, văn hóa dân gian, văn học dân gian

1. Mở đầu

Tây Nam Bộ là vùng đất có đặc trưng về khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng... gắn liền với môi trường sông nước. Sự ưu đãi của thiên nhiên với vùng đất này tạo sức hút “kéo” nhiều tộc người khác nhau đến khai hoang lập ấp. Điều này đã tạo nên một không gian cư trú đa tộc người và dĩ nhiên cũng đa văn hóa. Đây chính là cơ sở tạo nên đời sống văn hóa tinh thần phong phú, đa dạng và cũng rất riêng biệt của người dân Tây Nam Bộ. Đồng thời, thông qua các thể loại văn vần dân gian (ca dao, tục ngữ, vè...), người dân Tây Nam Bộ lý giải nguồn gốc tên gọi các địa danh từ góc nhìn của chính

cư dân trên vùng đất, vừa thể hiện sự tự hào về những đặc trưng văn hóa chỉ có ở vùng miền của mình.

2. Nội dung

Những bài ca dao, vè lại trở thành các mốc ghi dấu quan trọng cho những đặc trưng văn hóa của cư dân Tây Nam Bộ. Địa danh trở thành một trong các nguồn cảm hứng cho nhiều bài ca dao, dân ca, hò, vè, tục ngữ... Vì thế, không ngoa khi cho rằng mỗi địa danh chính là “thông báo” giúp xác định giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể tiêu biểu mỗi vùng miền.

Có thể kể đến buổi đầu khai hoang ở mảnh đất hoang sơ ở Tây Nam Bộ:

“U Minh, Rạch Giá thị quá Sơn Trường

Dưới sông sáu lội trên rừng cọp đua.”

“Cà Mau khí khọt trên bung

Dưới sông sáu lội trên rừng cọp um”

“Chiều chiều ông Ngử thả câu

Sáu lội ông Ngử cắm đầu xuống sông” [1]

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: vohanhttrang@gmail.com

“Đồng Tháp Mười¹ cò bay thẳng cánh,
Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm” [2]

Và rất nhiều câu ca dao gắn liền đặc trưng sản vật của vùng đất Tây Nam Bộ như trái cây, mắm, cá...

“Xoài nào ngon bằng xoài *Cao Lãnh*
Vú sữa nào ngọt bằng vú sữa *Cần Thơ*”
(*Ca dao dân ca Nam Bộ* [3])

“Muốn ăn bông súng, mắm kho,
Thì về *Đồng Tháp* ăn cho đã thèm
Mỹ Trà gạo trắng nước trong, (*Đồng Tháp*)
Ai về trên ấy thong dong con người”
(*Thơ văn Đồng Tháp* [4])

“Biển *Tân Thành* lắm cua, nhiều ốc
Xứ rạch *Gốc* nổi tiếng cá kèo... (*Tiền Giang*)
Thấy dừa thì nhớ *Bến Tre* (*Bến Tre*)
Thấy bông sen nhớ đồng quê *Tháp Mười* (*Đồng Tháp*)
Bến Tre giàu mía *Mỏ Cà*
Giàu nghêu *Thanh Phú*, giàu xoài *Cái Mơn*
Bình Đại biển cá sông tôm
Ba Tri muối mặn, *Giồng Trôm* lúa vàng”
(*Thơ văn Đồng Tháp* [4])

Hay như những câu về ca ngợi sản vật:

“*Sa Đéc* xứ khéo
Mần kẹo thiệt tài
Ăn hủy ăn hoài
Ai mua kẹo kéo (*Đồng Tháp*)
Ai về *Hồng Ngự*
Lời nói danh dự
Bảo đảm không sai
Bông súng thật dài
Giòn ngon đặc biệt”

(*Về kẹo kéo*) [2]

Ngoài ra, có khá nhiều câu ca dao gắn với địa danh nhằm để giới thiệu đặc sản

¹ Một vùng đất ngập nước thuộc đồng bằng sông Cửu Long, trải rộng trên ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp, là vựa lúa lớn nhất của cả nước.

vùng đất nhưng ẩn sâu là gắn với niềm tự hào về vẻ đẹp ngoại hình cũng như tâm hồn của các chàng trai cô gái trên vùng đất:

“Thuốc rê *Cao Lãnh* thơm nồng,
Con gái *Cao Lãnh* má hồng có duyên”
(*Thơ văn Đồng Tháp* [4])

“Anh đi anh nhớ *Tháp Mười*
Nhớ cam *Bình Thạnh*, nhớ người *Nha Môn*²”
(*Thơ văn Đồng Tháp* [4])

Hay dị bản khác như:

“Anh đi anh nhớ *Tháp Mười*
Nhớ canh bông súng, nhớ nụ cười *Mỹ An*” [2]

Hoặc:

“Ai về *Sa Đéc, Lấp Vò*
Nhớ kinh *Vĩnh Thạnh*, giọng hò *Tân Dương* (*Đồng Tháp*)
Mỹ Tho cảnh đẹp người xinh
Quyện lòng du khách gợi tình nước non
Gò Công nước mặn đồng chua
Gái tuy đen đúa nhưng mà có duyên” (*Tiền Giang*)
(*Thơ văn Đồng Tháp* [4])

Nhiều lúc, địa danh được nhắc đến như một cầu nối để khẳng định tình cảm, tình yêu đôi lứa ở Tây Nam Bộ:

“*Cái Bè, Cái Màng, Cái Thương*
Tìm em cắt lỏi băng vườn tìm em (*Tiền Giang*)
Dù ai ăn đâu, làm đâu
Có dòng có dãi *Cù Lao Trâu* nhớ về” (*Đồng Tháp*)
(*Thơ văn Đồng Tháp* [4])

Huỳnh Ngọc Trảng trong *Về Nam Bộ* (1998) [5] đã nhắc đến rất nhiều địa danh ở Tây Nam Bộ:

“Kể từ ra khỏi pháo đài,
Dòng sông nước chảy dựa kè **Mũi Nai**³.”

² Vùng đất nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, nay thuộc xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Tương truyền, khi bại trận Rạch Gầm - Xoài Mút, trước khi tháo chạy ra đảo Phú Quốc, Nguyễn Ánh đã bỏ lại hàng trăm cung tên mỹ nữ. Sau đó, các cung phi sắc nước nghiêng thành này đã lấy các chàng trai ở đất Nha Môn. Chính vì vậy, con gái Nha Môn tuy xuất thân từ nông dân nhưng đều có nhan sắc. Đầu thế kỷ 20, nghe danh gái Nha Môn, vua Cao Miên cũng tìm sang kiếm vợ.

³ Sở dĩ có tên gọi này vì khi nhìn từ xa “Mũi Nai” trông giống hình một chú nai con đang uống nước. Mũi Nai cách trung tâm thị xã Hà Tiên 8 km về phía tây bắc. Từ thuở hồng hoang, vùng đất này là mệnh mông nước và mệnh mông trời. Có một chú nai con thuộc dòng dõi nai thần hay ra uống nước. Rồi một ngày, mãi say cảnh đẹp của biển trời Hà Tiên, chú không về kịp giờ đóng cửa rừng. Buồn bã, chú nai quay lại bờ biển, thơ thẩn đi dạo. Nhưng biển đêm không hề thơ mộng êm ả vào mùa gió chướng. Gió nổi, sóng xô ầm ầm. Chú nai con gục ngã giữa biển. Ngọn núi phía xa xa vẫn mang hình chú nai con đang uống nước.

Thuận buồm gió thổi lai rai,
 Phút đầu đã thấy **Hòn Tay, Ghềnh Bà**⁴.
 Buông lèo một đôi vừa xa,
Đôi Môi⁵ nằm nước, dựa kê **Bà Chơn**.
 Vui thay một cảnh **Tà Lon**⁶,
 Mây vùng áp núi, khói vàng lên non.
 Ngó ra **Cồn Lớn** giữa dòng,
 Linh đình **Hòn Chảo**⁷, dật dờ **Bãi Thom**⁸.
 Ngó lên **Hòn Đá Mọc** khéo đơm,
 ...
Hòn Nần chạy tới **Hòn Ngang**,
Hòn Ông, Rạch Lá thì mình phải âu.
 Éo le nhiều nỗi thêm sầu,
 Trăng mờ bóng xế, đêm thâu canh dài.”

(Về Đi biển)

“Ba **Hòn Nôm** nó chồm về **Hòn Nấu**,
 Hòn Nấu nó cầu qua **Đôi Nai**.
 Đôi Nai nó lai rai về **Bờ Đập**,
 Hai Bờ Đập nó cập về **Hai Hòn Lò**.
 Hai Hòn Lò nó mò về **Hòn Ngang**,
 Hòn Ngang nó sang về hai **Hòn Đụng**.”

⁴ Ghềnh Bà còn gọi là Gành Bà thuộc xã Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

⁵ Cụm đảo thuộc tỉnh Cà Mau bao gồm 5 hòn đảo sát nhau: Hòn Khoai, Hòn Sao, Hòn Đôi Môi, Hòn Đá Lẻ, Hòn Tương với tổng diện tích 4 km². Sở dĩ người dân địa phương gọi là Hòn Đôi Môi vì đảo có hình dáng giống con đôi môi.

⁶ Núi Tà Lon (người Khmer gọi là Bokor – tức là con bò) thuộc tỉnh Kompot, Campuchia.

⁷ Khu vực đảo Hòn Chảo là vùng giáp ranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Vào thời Trần được đặt tên là đảo Huyền Trân để tưởng nhớ đến công chúa Trần Huyền Trân, người đã mang về cho Đại Việt 2 châu Thuận, Hóa và thiên hạ đệ nhất hùng quan Hải Vân. Đến thời Tây Sơn, trong một chuyến đi dạo, vua Quang Trung đổi tên nó thành Đảo Ngọc vì thấy đảo quá đẹp. Đến đầu thời Nguyễn, đảo được gọi là cù lao Hàn. Sau đó, vua Minh Mạng ban tặng cho cái tên Ngự Hải Đài nghĩa là đài canh trên biển. Thời Pháp thuộc, được gọi là Hòn Sơn Chà (Trà). Hiện nay đảo có tên chính thức là Hòn Chảo, để tránh nhầm lẫn với bán đảo Sơn Trà ở Đà Nẵng, cách nơi này không xa.

⁸ Bãi Thom có tên gọi Hòn Thom. Hòn Thom là một xã của huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được thành lập từ năm 2003, dân số hiện tại trên đảo hơn 3.000 người. Hòn Thom có tới 18 đảo lớn nhỏ, được ví von là ngọc của đảo ngọc Phú Quốc.

Hai Hòn Đụng nó cụng về Hòn Dầu,
 Hòn Dầu nó chầu về Bâu Áo.
 Bâu Áo nó tháo lại Hòn Ông,
 Hòn Ông nó đông về Hòn Dâm.
 Hòn Dâm đâm xuyên Hòn Tre,
 Hòn Tre nó xóc về Hòn Vông.
 Hòn Vông nó tông về Hòn Nhàn,
 Hòn Nhàn nó sang về Hòn Hàn.
 Hòn Hàn nó tràn về Hòn Lớn⁹,
 Hòn Lớn nó bắt trốn lại ba Hòn Nôm.
 Hòn Nôm nó chồm lên Hòn Khô,
 Hòn Khô thẳng vô Hòn Lớn.
 Hòn Lớn nó lữ trốn tới Bãi Chệt¹⁰. ”

(Về Quần đảo Nam Du¹¹)

⁹ Hòn Lớn (hòn đảo lớn nhất trong cụm đảo) tức Cù Tron. Theo *Nam Du ký* của nhà văn Anh Đông về chuyện tích truyền khẩu của Hòn Cù Tron: “Vào năm 1870, sau khi thất thủ thành Gia Định lần thứ 2, Chúa Nguyễn Ánh cùng một đám tàn quân bị Tây Sơn truy đuổi ráo riết, phải tấp vào cụm hòn này lần trốn. Thiếu nước uống, Chúa bảo binh sĩ đào ao lấy nước ngọt. Hiện nay “Giếng Ngự”, “Bãi Ngự” vẫn hiện hữu phía tây bắc Hòn Lớn. Thiếu lương thực, người dân hướng dẫn binh sĩ đi đảo cù nâng có dáng hình tròn tròn về nấu ăn đỡ đói. Đến khi Chúa lên ngôi hoàng đế (1802) chạnh nhớ đến những nơi nhiều kỷ niệm sâu sắc của mình thời bốn ba tẩu quốc, ông sắc tứ cho hòn này một cái tên, gọi là hòn “Cù Tròn”. Vị quan hành khiển vốn người Ngũ Quảng, mang chiếu chỉ đến đây, tập hợp dân lại đọc theo giọng Quảng của vị quan hành khiển, hai tiếng “cù Tròn” thành “Cù Tron” dân nghe chiếu dụ bảo “tron” thì phải gọi theo là “tron” đâu ai dám kháng chi”. Ngoài ra, địa danh này còn gọi là Cồ Tron, có gốc Khmer là koh Tron nghĩa là hòn, còn, cù lao Tron. Còn Tron chưa biết nghĩa.

¹⁰ Theo dân gian truyền lại, vào thế kỷ 16, trên đường ra Phú Quốc buôn bán, giữa đoàn tàu Hà Lan và người Trung Quốc đã xảy ra một trận ác chiến, mấy hôm sau có hàng trăm xác người Trung Quốc tấp vào bãi này, từ đó người dân gọi là “Bãi Chệt”.

¹¹ Nam Du gốc Nam Dữ (dữ là “đảo”, Nam Dữ nghĩa là đảo phía nam). Dưới thời Pháp thuộc bị bỏ dấu gọi là Nam Du. Quần đảo Nam Du trực thuộc huyện đảo Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, trước kia gọi chung là xã Nam Du. Dân số quần đảo Nam Du khoảng hơn 9.000 người. Tháng 5-2005, Nam Du tách ra thành một xã gồm 10 đảo, trụ sở xã đặt tại Hòn Ngang, còn xã kia là xã An Sơn, quản lý 11 đảo, trụ sở xã đặt tại Hòn Lớn - mà dân địa phương kêu bằng Hòn Cù Tron. Ngoài ra còn có dị bản khác:

“Hòn Mâu đâm thấu Đô Nai,
 Đô Nai quay sang Bờ Đập.
 Bờ Đập tấp lại Hòn Lò,
 Hòn Lò mò đến Hòn Ngang.
 Hòn Ngang tạt sang Hòn Đụng,
 Hòn Đụng cụng vào Hòn Dầu.
 Hòn Dầu nằm chầu Bò Áo,
 Bò Áo tháo ngược Hòn Ông.
 Hòn Ông đông đến Hòn Dâm,
 Hòn Dâm đâm thẳng Hòn Tre.
 Hòn Tre te đến Hòn Mốc,
 Hòn Mốc xóc lại Hòn Nhàn.
 Hòn Nhàn tràn thẳng Hòn Hàn,
 Hòn Hàn quàng cổ ba Hòn Nôm.
 Hòn Nôm chồm đại lên Hòn Khô,
 Hòn Khô vô Bãi Chệt.
 Bãi Chệt lết lên Hòn Lớn...”

“Cái đầu đàng là **Chợ Lớn**,
Bà con đương ớn là chợ **Sài Gòn**

...

Quần buộc không rành là chợ **Bến Súc**,
Hay thúc giục là chợ **Cà Mau**¹²,
Ở xứ nhiều lau đó là **Chợ Lách**¹³,
Bán nôi bán trách là chợ **Tri Tôn**¹⁴,
Học khéo học khôn là chợ **Trường Bình**¹⁵,
Trống mõ thành linh là chợ **Châu Đốc**¹⁶.
Tánh hay nói dóc là chợ **Tầm Vu**¹⁷,
Súng nổ liên tu là chợ **Hộ Phòng**¹⁸.
Hay nói lòng vòng đó là về chợ.”

(Về *Chợ Lục tỉnh*)

¹² Chợ Cà Mau ở xã Chợ Mới, tỉnh An Giang.

¹³ Chợ Lách có nguồn gốc từ tên một cái hình thành ở vùng có nhiều cây lau lách mọc, trở thành địa danh của một đơn vị hành chính cấp huyện, rồi tên của một thị trấn. Huyện nằm phía trên cùng của cù Lao Minh, bằng nửa diện tích huyện Mỏ Cày (18.897 ha), thuộc hàng nhỏ nhất trong 7 huyện của tỉnh Bến Tre, chiều dài 22,5 km, chiều ngang giới hạn bởi hai bờ sông Cổ Chiên và Hàm Luông, nơi hẹp nhất chỉ có 2km. Trước tháng 8-1945, Chợ Lách là một huyện thuộc tỉnh Vĩnh Long. Trong kháng chiến chống Pháp, theo quyết định của UBKCHC Nam Bộ (1948), huyện Chợ Lách tách khỏi tỉnh Vĩnh Long nhập về tỉnh Bến Tre. Sau ngày 30-4-1975, theo chủ trương điều chỉnh lại địa giới các huyện, thị, Chợ Lách gồm 10 xã và 1 thị trấn.

¹⁴ Tri Tôn gốc Khmer. Có 2 cách lý giải:

1. Nguyên dạng Sva Téanh hay Sva Tong, nghĩa là “khí níu kéo” vì ngày xưa đây là vùng hoang dã, khí thường quấy rối khách qua đường.
2. Nguyên dạng Svay Tôn, nghĩa là “xoài dây”, vì tại đây có một cây xoài ra trái rất nhiều, được coi là xoài thiêng nên người Khmer xây chùa ở chỗ có cây xoài và đặt tên chùa nơi ấy. Từ tên chùa trở thành tên vùng. Sở dĩ Xã Tôn bị nói chệch thành Tri Tôn vì trong tiếng Việt đã có sẵn từ tổ Tri Tôn giống như các địa danh Kế Sách, Phố Bàng, Rù Rì.

Tri Tôn (Hán Việt) là “biết tôn trọng”.

¹⁵ Chợ Trường Bình xưa thuộc huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định; nay là chợ Cần Giuộc ở thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Địa danh được biết đến qua bài *Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc* của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

¹⁶ Châu Đốc là thị xã của tỉnh An Giang, diện tích 100,6 km², dân số 112.155 người (2007), gồm 4 phường: Châu Phú A, Châu Phú B, Núi Sam, Vĩnh Mỹ và 3 xã: Vĩnh Châu, Vĩnh Ngươn, Vĩnh Tế. Từ ngày 23-8-1979, sáp nhập xã Vĩnh Tế của huyện Vĩnh Tế vào Châu Đốc.

Châu Đốc có 3 giả thuyết:

1. Gốc Khmer Moot Chrut, nghĩa là “mỡ heo”.
2. Châu (Thị Tế, vợ Nguyễn Văn Thoại) + Đốc là chức vụ của vua ban để cai quản đất này.
3. Châu: vùng đất, tỉnh; Đốc: nơi thiêng liêng, quan trọng.

¹⁷ Chợ Tầm Vu ở phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Có hai cách giải thích:

1. Tầm Vu gốc Khmer Lam Pu, là “cây bần”.
2. Tầm Vu gốc Khmer Sampu, là “chiếc thuyền”. Về ngữ âm, thuyết sau có lý hơn.

¹⁸ Hộ Phòng thuộc huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Hộ Phòng (Hán Việt) là “canh phòng để bảo vệ”.

Thông qua ca dao, dân ca, vè... liên quan đến địa danh, chúng ta sẽ nhận diện được những đặc trưng vùng đất trên cả khía cạnh vật chất lẫn tinh thần, giúp định hình vùng miền bằng tên gọi. Xét ở khía cạnh khác, những địa danh này lại là căn cứ hữu ích giúp các lĩnh vực như du lịch, lịch sử,... có thêm một cứ liệu để tham khảo.

3. Kết luận

Mỗi địa danh được phản ánh còn ẩn

chứa niềm tự hào của cư dân trên vùng đất đối với những thứ gắn liền với quê hương mình. Những vẻ đẹp rất đặc trưng ấy xét trong tổng thể văn hóa Việt cũng chính là những chỉ báo cho đặc trưng con người Việt Nam. Có thể kết luận, địa danh vừa là kho tàng “nguyên liệu” để sáng tác, chuyển tải tâm tư tình cảm của người dân Tây Nam Bộ vừa là một đặc trưng giúp nhận diện văn hóa của con người Tây Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Nam (2009), “Ca dao Nam Bộ - Ca dao của vùng đất mới”, http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=287:ca-dao-nam-b-ca-dao-ca-vung-t-mi&catid=97:vn-hoa-dan-gian&Itemid=155, (truy cập ngày 13/03/2019)
2. <https://cadao.me/dong-thap-muoi-co-bay-thang-can/>, (truy cập ngày 13/03/2019)
3. Bảo Định Giang, Nguyễn Tấn Phát, Trần Tấn Vĩnh, Bùi Mạnh Nhị (1984), *Ca dao dân ca Nam Bộ*, Nxb TP. Hồ Chí Minh
4. Trí Viễn Lê (1986), *Thơ văn Đồng Tháp*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp
5. Huỳnh Ngọc Trảng (1998), *Vè Nam Bộ*, Nxb Đồng Nai

STUDYING SOME PLACES IN THE WESTERN PART OF SOUTH VIETNAM THROUGH TYPES OF POETIC FOLK TEXT

ABSTRACT

Studying the place mark reflected in the poetic folk text will help better understand the human life and the worldview of Southwestern inhabitants. Thereby, we better understand the thoughts, feelings, dreams, aspirations etc. of the people in the South West of Vietnam during the history of national construction and creation. As a special source of evidence, the place naturally entered this literary section but contained many unique values as a way of preserving culture.

Keywords: *The Western part of South Vietnam, Cao Lanh, Dong Thap, folk culture, folk literature*

(Received: 17/2/2020, Revised: 26/2/2020, Accepted for publication: 12/5/2020)